

Số: 2759 /KH-UBND

Cần Giờ, ngày 04 tháng 5 năm 2023

KẾ HOẠCH

Khắc phục các điểm hạn chế Chỉ số cải cách hành chính (PAR - Index) của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ năm 2022, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính năm 2023

Căn cứ Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận, huyện năm 2022 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 1604/SNV-CCHC ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Sở Nội vụ về việc khắc phục nâng cao chỉ số cải cách hành chính của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức;

Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch khắc phục các điểm hạn chế Chỉ số cải cách hành chính (PAR - Index) của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ năm 2022, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính năm 2023, nội dung cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA HUYỆN CẦN GIỜ NĂM 2022

Căn cứ Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Chỉ số cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ năm 2022 **đạt 88,48 điểm, xếp loại Tốt¹, xếp hạng 20/22 quận huyện thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, tăng 2,14 điểm** so với năm 2021 (năm 2021 là 86,34 điểm), nhưng **thứ hạng giảm 02 hạng** so với năm 2021 (năm 2021 xếp hạng 18/22 quận huyện), trong đó:

- **Điểm công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính:** 68/75 điểm, tăng 0,99 điểm so với năm 2021 (năm 2021 là 67,01 điểm):

- + Công tác chỉ đạo, điều hành: 8,5/9 điểm, giữ nguyên so với năm 2021.
- + Cải cách thể chế: 6/6 điểm, giữ nguyên so với năm 2021.
- + Cải cách thủ tục hành chính: 13,75/16 điểm, tăng 1 điểm so với năm 2021.
- + Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 9/9 điểm, tăng 01 điểm so với năm 2021.
- + Cải cách chế độ công vụ: 12/13 điểm, giảm 0,5 điểm so với năm 2021.

¹ Đạt từ 85 đến 100 điểm: xếp loại Tốt;
Đạt từ 70 đến dưới 85 điểm: xếp loại Khá;
Đạt dưới 70 điểm: xếp loại Trung bình.

- + Cải cách tài chính công: 6,5/7,5 điểm, giảm 01 điểm so với năm 2021.
- + Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: 12,25/14,5 điểm, tăng 0,49 điểm so với năm 2021.
- **Điểm thưởng:** 2/5 điểm, giảm 03 điểm so với năm 2021 (năm 2021 là 5 điểm);
- **Điểm trừ:** 0/-5 điểm, tăng 01 điểm so với năm 2021 (năm 2021 là -1 điểm);
- **Điểm tác động của công tác cải cách hành chính:** 18,48/20 điểm, tăng 3,15 điểm so với năm 2021 (năm 2021 là 15,33 điểm).

(Đính kèm Bảng tổng hợp chi tiết)

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XII về cải cách hành chính và giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số môi trường kinh doanh trên địa bàn huyện, góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Cần Giờ lần thứ XII nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra, góp phần phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội huyện.

2. Phát huy, duy trì điểm tối đa các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần đã đạt được; phấn đấu, cải thiện để đạt điểm và điểm tối đa các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Bên cạnh triển khai đầy đủ và hiệu quả các nhiệm vụ của công tác cải cách hành chính năm 2023 trên địa bàn huyện Cần Giờ theo Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2023 và Kế hoạch số 1041/KH-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện, cần tập trung thực hiện khắc phục các điểm Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 còn hạn chế như sau:

1. Tiêu chí thành phần 1.1.3: Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch cải cách hành chính

1.1. Kết quả đánh giá năm 2022: Đạt 0,5/1 điểm, do chưa hoàn thành 100% Kế hoạch đề ra, cụ thể:

- Về chỉ tiêu: đã đạt 10/12 chỉ tiêu (83,33%), 02/12 chỉ tiêu chưa đạt (trong đó có chỉ tiêu hồ sơ lĩnh vực đất đai và lĩnh vực giải quyết khiếu nại tố cáo; 01 chỉ tiêu chờ Thành phố triển khai thực hiện: triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo phê duyệt của Thành phố;).

- Về nhiệm vụ: đã thực hiện 51/53 nhiệm vụ (96,23%), 02/53 nhiệm vụ chưa hoàn thành (do chờ Thành phố triển khai thực hiện: phối hợp triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo phê duyệt của Thành phố và triển khai thực hiện Đề án sắp xếp khu phố - ấp).

1.2. Giải pháp thực hiện:

- Duy trì họp giao ban định kỳ Ban chỉ đạo cải cách hành chính để rà soát các chỉ tiêu chưa đạt yêu cầu và các nhiệm vụ chưa thực hiện để đề ra các giải pháp hoàn thành trong thời gian tiếp theo.

- Thực hiện kiểm tra công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị; đặc biệt là việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được phân công phụ trách.

Đơn vị tham mưu: Phòng Nội vụ.

Đơn vị phối hợp thực hiện: các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Thời gian thực hiện: họp giao ban định kỳ hàng quý trong năm 2023; kiểm tra theo kế hoạch đã đề ra.

2. Tiêu chí thành phần 3.5.2: Thủ tục hành chính ngành dọc thực hiện tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt

2.1. Kết quả đánh giá năm 2022: Đạt 0,5/1 điểm, do không tổ chức tiếp nhận thủ tục hành chính của Công an huyện và Bảo hiểm xã hội huyện tại Bộ phận Một cửa cấp huyện.

2.2. Giải pháp thực hiện: Tổ chức tiếp nhận thủ tục hành chính của Công an huyện và Bảo hiểm xã hội huyện tại Bộ phận Một cửa cấp huyện.

Đơn vị tham mưu: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện.

Đơn vị phối hợp thực hiện: Công an huyện và Bảo hiểm xã hội huyện.

Thời gian thực hiện: quý II năm 2023.

3. Tiêu chí thành phần 3.5.5: Kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính

3.1. Kết quả đánh giá năm 2022: Đạt 0/1,5 điểm, do tỷ lệ hồ sơ đất đai và giải quyết khiếu nại đúng hạn vẫn chưa đạt yêu cầu (đất đai 1.422/1.526 hồ sơ đúng hạn đạt 93,18%, giải quyết khiếu nại 14/49 hồ sơ đúng hạn đạt 28,57%).

3.2. Giải pháp thực hiện

a) Về giải quyết hồ sơ lĩnh vực đất đai: Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện, Chi cục Thuế huyện chủ động phối hợp thực hiện các giải pháp nhằm kéo giảm tỷ lệ hồ sơ đất đai giải quyết trễ hạn, trong đó tập trung các nội dung sau:

- Tuân thủ các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

- Thường xuyên kiểm tra việc giải quyết hồ sơ hành chính trong nội bộ cơ quan để kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh các trường hợp không tuân thủ đúng quy định thủ tục hành chính.

- Trao đổi, thống nhất giải quyết đối với những hồ sơ gặp khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết.

- Đưa nội dung giải quyết hồ sơ trễ hạn nhiều lần vào trong công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng quý, năm hoặc bố trí lại trong nội bộ cán bộ, công chức, viên chức.

b) Về giải quyết hồ sơ lĩnh vực giải quyết khiếu nại:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tăng cường công tác tiếp xúc vận động, giải thích chính sách pháp luật và đối thoại trực tiếp, tạo sự đồng thuận với người dân trong giải quyết các vụ việc khiếu nại.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức rà soát, giải quyết dứt điểm hồ sơ khiếu nại còn tồn đọng từ năm 2022 chuyển sang, đẩy nhanh tiến độ giải quyết hồ sơ và tuân thủ quy định về thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

- Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện theo dõi việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính lĩnh vực giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện; phối hợp Thanh tra huyện và Phòng Nội vụ đề xuất xử lý đối với những trường hợp để kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ nhiều lần.

- Thanh tra huyện cử nhân sự tham gia các Đoàn kiểm tra việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính lĩnh vực giải quyết khiếu nại của các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn (trong công tác kiểm tra cải cách hành chính định kỳ hoặc kiểm tra công vụ đột xuất).

- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chủ động theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở cán bộ, công chức đơn vị thực hiện giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính lĩnh vực giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền đúng thời gian quy định.

*** Thời gian thực hiện:** thường xuyên trong năm 2023.

4. Tiêu chí thành phần 3.5.6: Thực hiện “Thư xin lỗi” trong trường hợp trả kết quả hồ sơ trễ hạn

4.1. Kết quả đánh giá năm 2021: Đạt 0,75/1 điểm, do Thư xin lỗi chưa đảm bảo yêu cầu.

4.2. Giải pháp thực hiện:

a) Đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

- Đối với hồ sơ giải quyết liên thông thủ tục Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho người đã đăng ký đất đai lần đầu: giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thường xuyên theo dõi tình hình giải quyết hồ sơ đất đai trên phần mềm VBDLIS để kịp thời tham mưu thực hiện Thư xin lỗi đối với hồ sơ giải quyết trễ hạn theo đúng thời gian.

- **Đối với hồ sơ thủ tục Chuyển mục đích sử dụng đất và thủ tục Giao đất, cho thuê đất:** giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu Thư xin lỗi đối với hồ sơ giải quyết trễ hạn theo đúng thời gian.

- **Đối với hồ sơ thủ tục Đính chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp và thủ tục Tách thửa hoặc hợp thửa đất:** đề nghị Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện dự thảo Thư xin lỗi đối với hồ sơ giải quyết trễ hạn và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ký đảm bảo đúng thời gian theo quy định.

- **Đối với hồ sơ thủ tục Giải quyết khiếu nại:** giao các cơ quan chuyên môn tham mưu Thư xin lỗi đối với những hồ sơ được giao cho đơn vị giải quyết nhưng trễ hạn, đảm bảo đúng thời gian theo quy định; trong đó, Phòng Tài nguyên và Môi trường và Thanh tra huyện cần lưu ý để nghiêm túc thực hiện trong năm 2023, khắc phục tình trạng trễ hạn nhưng chưa thực hiện Thư xin lỗi.

- **Đối với hồ sơ thủ tục còn lại:** các cơ quan chuyên môn được giao tham mưu giải quyết hồ sơ phải chủ động tham mưu Thư xin lỗi đối với hồ sơ giải quyết trễ hạn.

* **Cách thức và thời gian thực hiện:** Các cơ quan, đơn vị chủ động tham mưu thực hiện Thư xin lỗi (nêu rõ lý do chậm giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính và hẹn lại thời gian trả kết quả) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ký. **Trong thời hạn chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn,** phải gửi đến Ban Tiếp công dân huyện (đối với hồ sơ lĩnh vực giải quyết khiếu nại) hoặc Bộ phận Một cửa huyện (đối với hồ sơ các lĩnh vực còn lại) để gửi đến tổ chức, cá nhân.

b) Đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn

Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chủ động thực hiện Thư xin lỗi đối với hồ sơ giải quyết trễ hạn thuộc thẩm quyền.

* **Cách thức và thời gian thực hiện:** Các cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện Thư xin lỗi (nêu rõ lý do chậm giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính và hẹn lại thời gian trả kết quả) trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị ký. **Trong thời hạn chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn,** phải gửi đến Bộ phận Một cửa để gửi đến tổ chức, cá nhân.

5. Tiêu chí 5.5: Thực hiện tinh giản biên chế theo đề án được phê duyệt

5.1. Kết quả đánh giá năm 2022: Đạt 0/1 điểm, do số lượng biên chế công chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh vượt so với chỉ tiêu Chính phủ giao.

5.2. Giải pháp thực hiện: Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tinh giản biên chế trên địa bàn huyện Cần Giờ đã được duyệt. Xây dựng kế hoạch thực hiện tinh giản biên chế hàng năm, thường xuyên rà soát, đề xuất thực hiện tinh

giảm biên chế đối với những trường hợp đáp ứng điều kiện theo quy định, đảm bảo hoàn thành 100% kế hoạch.

Đơn vị tham mưu: Phòng Nội vụ.

Đơn vị phối hợp thực hiện: các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện.

Thời gian thực hiện: theo quy định.

6. Tiêu chí 6.3: Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước

6.1. Kết quả đánh giá năm 2022: Đạt 0,5/1 điểm.

6.2. Giải pháp thực hiện: Đề xuất và triển khai thực hiện các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước, lấy kết quả giải ngân làm cơ sở đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, đảm bảo đạt tỷ lệ giải ngân 90% kế hoạch trở lên.

Đơn vị tham mưu: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

Đơn vị phối hợp thực hiện: các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Thời gian thực hiện: thường xuyên trong năm 2023.

7. Tiêu chí thành phần 6.4: Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách

7.1. Kết quả đánh giá năm 2022: Đạt 0,5/1 điểm.

7.2. Giải pháp thực hiện: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách, đảm bảo 100% số tiền nộp vào ngân sách Nhà nước theo kiến nghị.

Đơn vị tham mưu: Phòng Tài chính - Kế hoạch.

Đơn vị phối hợp thực hiện: các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Thời gian thực hiện: theo quy định.

8. Tiêu chí thành phần 7.1.1: Tỷ lệ sử dụng thư điện tử tại đơn vị

8.1. Kết quả đánh giá năm 2021: Đạt 0/0,5 điểm, do tỷ lệ sử dụng hộp thư điện tử thường xuyên chưa đạt 100% theo yêu cầu: số hộp thư điện tử sử dụng thường xuyên là 157 (đạt 64,08%), trong đó, 41/50 hộp thư đơn vị và 116/195 hộp thư cá nhân sử dụng thường xuyên.

8.2. Giải pháp thực hiện

- Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện chủ động rà soát, tổng hợp việc sử dụng hộp thư điện tử của thành phố; đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân thường xuyên không sử dụng hộp thư điện tử thành phố hoặc đã giải thể, đề xuất Sở Thông tin và Truyền thông tiến hành hủy để đảm bảo tỷ lệ sử dụng.

- Phòng Nội vụ đánh giá sự cần thiết, tiện ích trong sử dụng hộp thư điện tử, hiện tại có nhiều ứng dụng đang sử dụng như phần mềm quản lý văn bản <https://vpdt-cangio.tphcm.gov.vn>, zalo,... báo cáo kết quả rà soát, đánh giá, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện văn bản xin ý kiến của Sở Nội vụ (nếu cần thiết).

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có cán bộ, công chức, viên chức được cấp hộp thư điện tử:

+ Chỉ đạo, quán triệt đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị sử dụng hộp thư điện tử thật hiệu quả. Đặc biệt nhắc nhở, chấn chỉnh các cá nhân đã được cấp tài khoản nhưng ít sử dụng hoặc không sử dụng hộp thư điện tử thành phố.

+ Rà soát, đánh giá nhu cầu sử dụng hộp thư điện tử của đơn vị, cá nhân, nếu không có nhu cầu sử dụng thì yêu cầu xóa tài khoản để không ảnh hưởng đến tỷ lệ sử dụng chung của cả huyện. Chủ động cung cấp, thông tin cho Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện để kịp thời điều chỉnh thông tin, hủy bỏ các hộp thư điện tử của cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị khi có thay đổi công tác.

*** Thời gian thực hiện:** thường xuyên trong năm 2023.

9. Tiêu chí thành phần 7.1.2: Mức độ quản lý thư điện tử tại đơn vị

9.1. Kết quả đánh giá năm 2022: Đạt 0,25/0,5 điểm.

9.2. Giải pháp thực hiện: Chủ động cập nhật, rà soát, tổng hợp việc sử dụng hộp thư điện tử của thành phố; thực hiện báo cáo rà soát đầy đủ và đúng thời gian quy định.

Đơn vị tham mưu: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện.

Thời gian thực hiện: theo quy định.

10. Tiêu chí 7.4: Đảm bảo An toàn thông tin

10.1. Kết quả đánh giá năm 2022: Đạt 0/0,5 điểm.

10.2. Giải pháp thực hiện: Rà soát lại quy chế và chính sách đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn huyện Cần Giờ, đề xuất điều chỉnh nếu cần thiết. Đảm bảo không để xảy ra sự cố an toàn thông tin trong năm.

Đơn vị tham mưu: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện.

Đơn vị phối hợp thực hiện: các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Thời gian thực hiện: theo quy định.

11. Tiêu chí thành phần 7.6.2: Thời gian gửi báo cáo

11.1. Kết quả đánh giá năm 2022: Đạt 0/0,5 điểm.

11.2. Giải pháp thực hiện: Thực hiện báo cáo ứng dụng công nghệ thông tin (định kỳ/đột xuất/chuyên đề) đảm bảo đúng thời gian theo yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông.

Đơn vị tham mưu: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện.

Đơn vị phối hợp thực hiện: các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Thời gian thực hiện: theo quy định.

12. Tiêu chí 7.9: Xử lý ý kiến của người dân, tổ chức và doanh nghiệp thông qua Cổng thông tin 1022 thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đảm bảo tiến độ và tỷ lệ theo quy định

12.1. Kết quả đánh giá năm 2022: Đạt 0,5/1 điểm, do không đảm bảo tỉ lệ 100%. Trong năm 2022, đã tiếp nhận và xử lý 41/41 tin (đạt 100%), trong đó 28/41 đúng hạn (68,29%), 13/41 tin trễ hạn (31,7%).

12.2. Giải pháp thực hiện:

- Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện:
 - + Thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng thông tin 1022 và chuyển đến các cơ quan, đơn vị để xử lý theo lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách.
 - + Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở tiến độ xử lý phản ánh, kiến nghị của các cơ quan, đơn vị.
- Các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, Đội Thanh tra địa bàn, Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện, Xí nghiệp cấp nước: Thực hiện xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng thông tin 1022 theo đúng quy định, không để tồn đọng, trễ hạn xử lý.

Thời gian thực hiện: theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

1.1. Trong chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch này, tiếp tục phát huy và duy trì điểm tối đa các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần đã đạt được.

1.2. Đối với các đơn vị tham mưu: chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân huyện triển khai, đảm bảo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính theo lĩnh vực được giao, phân công cụ thể cán bộ, công chức có liên quan phụ trách, báo cáo giải trình kết quả và cung cấp tài liệu kiểm chứng theo yêu cầu.

1.3. Đối với các đơn vị phối hợp thực hiện: chủ động triển khai thực hiện các nội dung cải cách hành chính theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về kết quả thực hiện trong phạm vi quản lý của đơn vị mình.

2. Phòng Nội vụ

- Theo dõi, đốc đốc và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Định kỳ hàng quý, báo cáo kết quả Chỉ số cải cách hành chính đạt được trong cuộc họp giao ban Ban Chỉ đạo cải cách hành chính huyện.

- Đề xuất kiểm điểm trách nhiệm và xử lý đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn không thực hiện nghiêm túc những nội dung được phân công tại Kế hoạch này.

3. Đề nghị Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện, Chi cục Thuế huyện, Đội Thanh tra địa bàn, Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện, Xí nghiệp cấp nước

Phối hợp thực hiện tốt một số nội dung của kế hoạch này, góp phần nâng cao điểm Chỉ số cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân huyện trong năm 2023.

Trên đây là Kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện về khắc phục các điểm hạn chế Chỉ số cải cách hành chính (PAR - Index) năm 2022, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính năm 2023. /.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện;
- Thường trực Ủy ban nhân dân huyện;
- Thành viên BCĐ Cải cách hành chính huyện;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc huyện;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Các đơn vị: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện; Chi cục Thuế huyện; Bảo hiểm xã hội huyện; Công an huyện; Đội Thanh tra địa bàn, Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện; Xí nghiệp cấp nước;
- VP: CVP, PCVP;
- Lưu: VT, NV, MT, CTh.



CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hồng



BẢNG TỔNG HỢP

Kết quả đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ năm 2022

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 2759 /KH-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Nội dung trừ điểm/điểm thưởng
TỔNG ĐIỂM		100	78,25	88,48	Trong đó, điểm thẩm định là 70 điểm, điểm điều tra là 18,48 điểm
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	9	8,5	8,5	
1.1	Kế hoạch CCHC năm	3	2,5	2,5	
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời	1	1	1	
1.1.2	Chất lượng Kế hoạch CCHC	1	1	1	
1.1.3	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong KH	1	0,5	0,5	Chưa hoàn thành 100% Kế hoạch đề ra, cụ thể: - Về chỉ tiêu: đã đạt 10/12 chỉ tiêu (83,33%), 02/12 chỉ tiêu chưa đạt (trong đó có chỉ tiêu hồ sơ lĩnh vực đất đai và lĩnh vực giải quyết khiếu nại trễ hạn; 01 chỉ tiêu chờ Thành phố triển khai thực hiện: triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo phê duyệt của Thành phố;). - Về nhiệm vụ: đã thực hiện 51/53 nhiệm vụ (96,23%), 02/53 nhiệm vụ chưa hoàn thành (do chờ Thành phố triển khai thực hiện: phối hợp triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo phê duyệt của Thành phố và triển khai thực hiện Đề án sắp xếp khu phố - ấp).

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Nội dung trừ điểm/điểm thưởng
1.2	Thực hiện báo cáo công tác CCHC	3	3	3	
1.2.1	Số lượng báo cáo	1,5	1,5	1,5	
1.2.2	Thời gian gửi báo cáo	1,5	1,5	1,5	
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	2	2	2	
1.3.1	Tỷ lệ các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc và UBND phường, xã - thị trấn được kiểm tra trong năm	1	1	1	
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1	1	1	
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1	1	1	
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	6	6	6	
2.1	Mức độ thực hiện đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) đã được UBND TP chấp thuận, danh mục VBQPPL quy định chi tiết đã được UBND TP phê duyệt	2	2	2	
2.2	Kiểm tra, rà soát VBQPPL	1	1	1	
2.2.1	Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	0,25	0,25	0,25	
2.2.2	Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần, thay thế, ban hành mới, đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ nội dung VBQPPL sau rà soát	0,75	0,75	0,75	
2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	1	1	1	
2.4	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	2	2	2	
2.4.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	1	1	1	
2.4.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1	1	1	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Nội dung trừ điểm/điểm thưởng
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)	16	15,5	13,75	
3.1	Triển khai nhiệm vụ cải cách TTHC	4	4	4	
3.1.1	Ban hành và thực hiện Kế hoạch kiểm soát TTHC	1,5	1,5	1,5	
3.1.2	Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ: công khai TTHC, hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết; xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) về TTHC	1,5	1,5	1,5	
3.1.3	Thực hiện Báo cáo kiểm soát TTHC	1	1	1	
3.2	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính	1	1	1	
3.2.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	0,5	0,5	0,5	
3.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	0,5	0,5	0,5	
3.3	Công bố, công khai TTHC/quy trình nội bộ/kết quả giải quyết hồ sơ	2	2	2	
3.3.1	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa	0,5	0,5	0,5	
3.3.2	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận trên trang thông tin điện tử của đơn vị	0,5	0,5	0,5	
3.3.3	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên trang thông tin điện tử của đơn vị và Cổng dịch vụ công thành phố	1	1	1	
3.4	Rà soát, đánh giá, đề xuất đơn giản hóa TTHC	1	1	1	
3.4.1	Đơn giản hóa về quy trình, thời gian, thành phần hồ sơ	0,5	0,5	0,5	
3.4.2	Liên thông, kết hợp TTHC/nhóm TTHC	0,5	0,5	0,5	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Nội dung trừ điểm/điểm thưởng
3.5	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	8	7,5	5,75	
3.5.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa (không bao gồm trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP)	1	1	1	
3.5.2	TTHC ngành dọc thực hiện tiếp nhận tại BPMC các cấp theo DM được phê duyệt	1	1	0,5	Không tổ chức tiếp nhận thủ tục hành chính của Công an và Bảo hiểm xã hội tại Bộ phận Một cửa cấp huyện.
3.5.3	Số TTHC/nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp, khác cấp	0,5	0,5	0,5	
3.5.4	Thực hiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết TTHC tuân thủ đúng quy trình nội bộ đã được Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt	0,5	0,5	0,5	
3.5.5	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	1,5	1	0	Tỷ lệ hồ sơ đúng hạn lĩnh vực đất đai đạt 94% và lĩnh vực giải quyết khiếu nại đạt 29% nên chưa đạt yêu cầu
3.5.6	Thực hiện “Thư xin lỗi” trong trường hợp trả kết quả hồ sơ trễ hạn	1	1	0,75	Thư xin lỗi chưa đảm bảo yêu cầu
3.5.7	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của các quận - huyện	1	1	1	
3.5.8	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với việc thực hiện TTHC của đơn vị	1,5	1,5	1,5	
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	9	9	9	
4.1	Thực hiện các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành và Thành phố về tổ chức bộ máy	2	2	2	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Nội dung trừ điểm/điểm thưởng
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	1	1	1	
4.3	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực do Thành phố ban hành	3	3	3	
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực do Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành tại địa phương	1	1	1	
4.3.2	Đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định phân cấp quản lý nhà nước kịp thời	1	1	1	
4.3.3	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ được phân cấp tại địa phương	1	1	1	
4.4	Thực hiện các quy định về ủy quyền quản lý tại địa phương	3	3	3	
4.4.1	Thực hiện các quy định về ủy quyền quản lý nhà nước do cơ quan cấp trên ủy quyền	1	1	1	
4.4.2	Đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành các quy định ủy quyền quản lý nhà nước tại địa phương kịp thời	1	1	1	
4.4.3	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ được ủy quyền và các nhiệm vụ đã cho các đơn vị thuộc, trực thuộc và UBND cấp xã	1	1	1	
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	13	13	12	
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2	2	2	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Nội dung trừ điểm/điểm thưởng
5.1.1	Tỉ lệ cơ quan hành chính đã xây dựng cơ cấu ngạch và bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được Thành phố phê duyệt	1	1	1	
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp trực thuộc có cơ cấu chức danh nghề nghiệp và bố trí viên chức theo vị trí việc làm được Thành phố phê duyệt	1	1	1	
5.2	Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị trực thuộc	1	1	1	
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức (kể cả công chức làm việc tại phường)	0,5	0,5	0,5	
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức	0,5	0,5	0,5	
5.3	Thực hiện quy định về thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1	1	1	
5.4	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	2	2	2	
5.5	Thực hiện tinh giản biên chế theo đề án được phê duyệt	1	1	0	
5.6	Cán bộ, công chức, viên chức tham dự các lớp đào tạo bồi dưỡng đạt yêu cầu vào cuối khóa học do Sở Nội vụ tổ chức (kể cả công chức làm việc tại phường)	1	1	1	
5.7	Cán bộ phường, công chức xã, thị trấn	5	5	5	
5.7.1	Tỷ lệ đạt chuẩn công chức xã, thị trấn Riêng cán bộ phường được xác định là: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Trưởng các đoàn thể chính trị - xã hội phường).	1,5	1,5	1,5	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Nội dung trừ điểm/điểm thưởng
5.7.2	Tỷ lệ đạt chuẩn cán bộ phường, công chức xã, thị trấn	1,5	1,5	1,5	
5.7.3	Tỷ lệ cán bộ phường, công chức xã, thị trấn được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	2	2	2	
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	7,5	7,5	6,5	
6.1	Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước	2	2	2	
6.1.1	Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện đúng, đầy đủ quy chế chi tiêu nội bộ	1	1	1	
6.1.2	Báo cáo đánh giá hiệu quả của việc triển khai thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm	0,5	0,5	0,5	
6.1.3	Tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức	0,5	0,5	0,5	
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập	2,5	2,5	2,5	
6.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập của quận - huyện triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	1	1	1	
6.2.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập của quận, huyện ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai thực hiện cơ chế	0,5	0,5	0,5	
6.2.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập của quận, huyện có tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức	0,5	0,5	0,5	
6.2.4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên	0,5	0,5	0,5	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Nội dung trừ điểm/điểm thưởng
6.3	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước	1	1	0,5	
6.4	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1	1	0,5	
6.5	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	1	1	1	
6.5.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0,5	0,5	0,5	
6.5.2	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	0,5	0,5	0,5	
7	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	14,5	13,75	12,25	
7.1	Mức độ sử dụng thư điện tử công việc	1	0,75	0,25	
7.1.1	Tỷ lệ sử dụng thư điện tử tại đơn vị	0,5	0,25	0	Số hộp thư điện tử sử dụng thường xuyên: 157 (đạt 64,08%, trong đó, 41/50 hộp thư đơn vị và 116/195 hộp thư cá nhân sử dụng thường xuyên)
7.1.2	Mức độ quản lý thư điện tử tại đơn vị	0,5	0,5	0,25	
7.2	Ứng dụng phần mềm quản lý văn bản tại đơn vị	1	1	1	
7.2.1	Tỷ lệ văn bản (không thuộc loại “Mật”) trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	0,5	0,5	0,5	
7.2.2	Kết nối Cổng dịch vụ công Thành phố, hệ thống thông tin một cửa điện tử Thành phố	0,25	0,25	0,25	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Nội dung trừ điểm/điểm thưởng
7.2.3	Liên thông quản lý văn bản với các phòng ban, đơn vị trực thuộc, UBND cấp xã và thành phố	0,25	0,25	0,25	
7.3	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	3	3	3	
7.3.1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo danh mục được phê duyệt được cung cấp Cổng dịch vụ công thành phố hoặc tích hợp cổng dịch vụ công quốc gia	1	1	1	
7.3.2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	1	1	1	
7.3.3	Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công được giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4	1	1	1	
7.4	Đảm bảo An toàn thông tin	0,5	0,5	0	
7.5	Triển khai dự án, hạng mục công nghệ thông tin (CNTT)	1	1	1	
7.5.1	Tiến độ thực hiện triển khai dự án, hạng mục đầu tư CNTT	0,5	0,5	0,5	
7.5.2	Thực hiện chế độ báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư	0,5	0,5	0,5	
7.6	Thực hiện báo cáo ứng dụng công nghệ thông tin của Thành phố Hồ Chí Minh	1	1	0,5	
7.6.1	Số lượng báo cáo	0,5	0,5	0,5	
7.6.2	Thời gian gửi báo cáo	0,5	0,5	0	
7.7	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001	3	3	3	
7.7.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 theo quy định	1	1	1	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Nội dung trừ điểm/điểm thưởng
7.7.2	Thực hiện áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 theo quy định	2	2	2	
7.8	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	1,5	1,5	1,5	
7.8.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	0,5	0,5	0,5	
7.8.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	0,5	0,5	0,5	
7.8.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	0,5	0,5	0,5	
7.9	Xử lý ý kiến của người dân, tổ chức và doanh nghiệp thông qua Cổng thông tin 1022 thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đảm bảo tiến độ và tỷ lệ theo quy định	1	0,5	0,5	Không đảm bảo tỉ lệ 100%. Trong năm 2022, đã tiếp nhận và xử lý 41/41 tin (đạt 100%), trong đó 28/41 đúng hạn (68,29%), 13/41 tin trễ hạn (31,7%).
7.10	Cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử của đơn vị	1	1	1	
7.11	Phối hợp xây dựng, vận hành hệ thống thông tin báo cáo	0,5	0,5	0,5	
8	ĐIỂM THUỞNG, ĐIỂM TRỪ				
1	Điểm thưởng	5	5	2	
1.1	Đánh giá, nhân rộng và thực hiện hiệu quả sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC của cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc hoặc sáng kiến của cơ quan được UBND Thành phố, BCĐ CCHC Thành phố công nhận	1	1	0	
1.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC đúng thời hạn quy định	1	1	1	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Nội dung trừ điểm/điểm thưởng
1.3	Đạt giải của Giải thưởng Sáng tạo Thành phố trong năm đánh giá	1	0	0	
1.4	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC (thực hiện đầy đủ 04 nội dung)	1	1	0	
1.5	Đơn vị được lãnh đạo Thành ủy, HĐND TP, UBND TP khen thưởng, biểu dương về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức/Đơn vị, công chức, viên chức thực hiện tốt các nội dung quản lý, tiếp công dân được báo đài và các phương tiện truyền thông đăng tải biểu dương	1	0	0	
1.6	Phối hợp tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP trong triển khai các hoạt động CCHC	1	1		
1.7	Phối hợp chuyển giao TTHC cho đơn vị Bưu chính công ích tiếp nhận và trả kết quả (Mỗi lĩnh vực TTHC được cộng 0.5 điểm và tổng cộng không quá 01 điểm)	1			
1.8	Các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong chỉ số CCHC của Thành phố thuộc phạm vi phụ trách được các cơ quan trung ương đánh giá là mô hình sáng kiến, trực tiếp góp phần nâng số điểm hoặc tăng vị trí so với năm trước liền kề (mỗi nội dung tăng được cộng thêm 0,2 điểm nhưng tổng cộng không quá 1 điểm).				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Nội dung trừ điểm/điểm thưởng
1.9	Thực hiện tốt 02 yêu cầu về công tác kiểm tra đột xuất	1			
1.10	Hàng quý gửi ít nhất 01 bài viết/mô hình/sản phẩm tuyên truyền hiệu quả về công tác CCHC, cải cách TTHC về BCĐ CCHC Thành phố (cchc.snv@tphcm.gov.vn) (mỗi quý cộng 0.25 điểm).	1	1	1	
2	Điểm trừ	-5	0	0	
2.1	Chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả đối với các nội dung bị trừ điểm trong đánh giá chỉ số CCHC của năm trước	-1			
2.2	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC không đúng thời hạn quy định	-1			
2.3	Báo cáo tự chấm điểm kết quả chỉ số CCHC chênh lệch quá 3% so với điểm thẩm định	-1			
2.4	Đơn vị hoặc lãnh đạo bị lãnh đạo Thành ủy, HĐND TP, UBND TP phê bình về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết ý kiến của cá nhân, tổ chức	-1			
2.5	Đơn vị có đơn thư tố cáo, kiến nghị đúng sự thật về thái độ, hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu của công chức, viên chức thuộc cơ quan quản lý	-1			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Nội dung trừ điểm/điểm thưởng
2.6	Đơn vị thực hiện không tốt các nội dung quản lý đề báo đài và các phương tiện truyền thông phản ánh đúng sự thật	-1			
2.7	Không phối hợp hoặc phối hợp không tốt với các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC TP trong triển khai các hoạt động CCHC	-1			
2.8	Không triển khai hoặc triển khai không hiệu quả các sáng kiến, giải pháp trong công tác CCHC thuộc cơ quan, đơn vị mình của các năm trước đã được UBND TP thông báo công nhận, mà không có lý do chính đáng	-1			
2.9	Chưa ứng dụng thanh toán điện tử trong giải quyết TTHC	-1			
III	TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TÁC CCHC	20		18,48	
1	Đánh giá, nhận xét của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố (Ban Thường trực và các đoàn thể thành viên)	10		10	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Nội dung trừ điểm/điểm thưởng
2	Đánh giá của Đại biểu HĐND TP và lãnh đạo của các sở - ban - ngành và UBND quận - huyện, đại biểu Hội đồng nhân dân quận - huyện; Trưởng các phòng chuyên môn trực thuộc sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện; Lãnh đạo Ủy ban nhân dân các phường - xã - thị trấn	10		8,48	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ